

Phương pháp làm bài tập Tìm lỗi sai (Error Identification)

Dạng bài tập "Tìm lỗi sai" (Error Identification) là một phần quan trọng trong các bài kiểm tra và đặc biệt là kỳ thi THPT Quốc gia. Để làm tốt dạng bài này, học sinh cần nắm vững kiến thức ngữ pháp toàn diện và có chiến lược làm bài hợp lý. Dưới đây là tổng hợp các lỗi sai thường gặp và phương pháp xử lý.

I. Các lỗi sai thường gặp

1. Sự hòa hợp giữa Chủ ngữ và Động từ (Subject-Verb Agreement)

Đây là lỗi sai phổ biến nhất, yêu cầu động từ phải chia theo ngôi và số của chủ ngữ.

- **Công thức:**

- Chủ ngữ số ít + Động từ số ít (V-s/es)
- Chủ ngữ số nhiều + Động từ số nhiều (V-inf)

- **Lưu ý các trường hợp đặc biệt:**

- **Each/Every/Either/Neither + N(số ít) + V(số ít)**
- **S1 + along with/as well as/with/together with + S2 + V(chia theo S1)**
- **Either S1 or S2 / Neither S1 nor S2 + V(chia theo S2)**

- **The number of + N(số nhiều) + V(số ít)**
- **A number of + N(số nhiều) + V(số nhiều)**

Ví dụ 1: Each of the students are (A) responsible for (B) doing (C) his or her (D) work.

=> *Lỗi: A. Sửa thành "is" vì chủ ngữ là "Each".*

Ví dụ 2: The number of books in (A) the library have (B) grown (C) significantly (D) over the years.

=> *Lỗi: B. Sửa thành "has" vì chủ ngữ là "The number of books".*

2. Thì của Động từ (Verb Tenses)

Lỗi sai về thì thường liên quan đến việc sử dụng sai thì trong ngữ cảnh hoặc không có sự hòa hợp về thì trong câu phức.

- **Quy tắc:** Các hành động trong câu phải có sự phối hợp về mặt thời gian. Chú ý các trạng từ chỉ thời gian (yesterday, last year, since, for, when, while, before, after...).

Ví dụ 1: When I arrived (A) at the party, they already leave (B) and took (C) all the food with (D) them.

=> *Lỗi: B. Sửa thành "had already left" (hành động xảy ra trước một hành động khác trong quá khứ).*

Ví dụ 2: My sister is studying (A) English for (B) five years, but she still (C) can't speak it fluently (D).

=> *Lỗi: A. Sửa thành "has been studying" hoặc "has studied" (dấu hiệu "for + khoảng thời gian").*

3. Dạng của từ (Word Forms)

Lỗi này xảy ra khi dùng sai dạng từ loại (Danh từ, Động từ, Tính từ, Trạng từ) trong câu.

- **Nguyên tắc:**

- Sau tobe/linking verbs là tính từ.
- Bổ nghĩa cho động từ thường là trạng từ.
- Trước danh từ là tính từ.
- Sau giới từ là danh từ hoặc V-ing.

Ví dụ 1: The project was completed success (A), and everyone (B) was (C) very pleased (D).

=> *Lỗi: A. Sửa thành "successfully" (trạng từ bổ nghĩa cho động từ "was completed").*

Ví dụ 2: It is importance (A) for students to review (B) their lessons before (C) an exam (D).

=> *Lỗi: A. Sửa thành "important" (tính từ sau tobe "is").*

4. Đại từ (Pronouns)

Lỗi sai liên quan đến đại từ nhân xưng, đại từ sở hữu, đại từ phản thân, và đại từ quan hệ.

- **Quy tắc:** Đại từ phải tương ứng với danh từ mà nó thay thế về ngôi, số và vai trò (chủ ngữ/tân ngữ).

Ví dụ 1: If anyone (A) calls, please tell them (B) that I will be (C) back in (D) an hour.

=> *Lỗi: B. Sửa thành "him or her" (anyone là đại từ bất định số ít). Tuy nhiên, trong văn nói hiện đại, "them" vẫn được chấp nhận. Trong văn viết trang trọng và thi cử, cần sửa thành "him or her".*

Ví dụ 2: The man which (A) lives next door (B) is (C) a very famous (D) writer.

=> *Lỗi: A. Sửa thành "who" hoặc "that" (đại từ quan hệ chỉ người).*

5. Tính từ và Trạng từ (Adjectives & Adverbs)

Lỗi phổ biến là nhầm lẫn giữa việc sử dụng tính từ và trạng từ.

- **Công thức:**

- **S + V(thường) + Adv**
- **S + Linking Verb (be, seem, look, feel...) + Adj**

Ví dụ 1: She speaks English very fluent (A) although (B) she has never (C) been (D) to England.

=> *Lỗi: A. Sửa thành "fluently" (trạng từ bổ nghĩa cho động từ "speaks").*

Ví dụ 2: After the long hike, he felt terribly (A) tired (B) and decided (C) to take (D) a nap.

=> *Lỗi: A. Sửa thành "terrible". Tuy nhiên, "felt terribly tired" cũng đúng ngữ pháp, trong đó "terribly" bổ nghĩa cho "tired". Nhưng lỗi thường gặp hơn là dùng trạng từ sau linking verb thay vì tính từ. Ví dụ rõ hơn: He felt badly. -> He felt bad.*

6. Cấu trúc song song (Parallel Structure)

Khi liệt kê các thành phần trong câu bằng các liên từ như 'and', 'but', 'or', chúng phải có cùng dạng ngữ pháp.

- **Cấu trúc: A, B, and C** (A, B, C phải cùng dạng: N, V, Adj, V-ing, To-V...).

Ví dụ 1: He enjoys reading (A), writing (B), and to listen (C) to classical music (D).

=> *Lỗi: C. Sửa thành "listening" để đồng dạng V-ing với "reading" và "writing".*

Ví dụ 2: The new employee is diligent (A), enthusiastic (B), and works hard (C) to meet all the deadlines (D).

=> *Lỗi: C. Sửa thành "hard-working" (tính từ) để song song với "diligent" và "enthusiastic".*

7. Giới từ (Prepositions)

Sử dụng sai giới từ đi kèm với động từ, tính từ hoặc trong các cụm từ cố định.

Ví dụ 1: We are all very proud at (A) your success (B) in (C) the competition (D).

=> *Lỗi: A. Sửa thành "of" (cấu trúc "proud of").*

Ví dụ 2: He is responsible to (A) taking care of (B) his younger (C) sister while his parents are away (D).

=> **Lỗi:** A. Sửa thành "for" (cấu trúc "responsible for").

8. Lỗi từ vựng (Word Choice)

Nhầm lẫn giữa các từ có cách viết hoặc nghĩa gần giống nhau.

Từ hay nhầm lẫn	Nghĩa
affect (v) / effect (n)	ảnh hưởng / sự ảnh hưởng, hiệu quả
principle (n) / principal (n, adj)	nguyên tắc / hiệu trưởng, chính, chủ yếu
accept (v) / except (prep)	chấp nhận / ngoại trừ
economic (adj) / economical (adj)	thuộc về kinh tế / tiết kiệm

Ví dụ 1: The new policy will have a significant affect (A) on (B) the country's economy (C), according to (D) experts.

=> **Lỗi:** A. Sửa thành "effect" (danh từ, sau tính từ "significant").

II. Chiến lược làm bài hiệu quả

- 1. **Đọc lướt cả câu:** Đọc toàn bộ câu để nắm được ý chính và ngữ cảnh chung. Đôi khi lỗi sai chỉ có thể được phát hiện khi xem xét cả câu.
- 2. **Phân tích từng phần gạch chân (A, B, C, D):** Xem xét từng phần gạch chân một cách độc lập và trong mối quan hệ với các thành phần khác của câu.

3. **Kiểm tra các lỗi phổ biến trước:** Ưu tiên kiểm tra các lỗi hay gặp nhất như Sự hòa hợp S-V, Thì của động từ, Dạng từ.
4. **Kiểm tra mối quan hệ giữa các từ:**
- Chủ ngữ có hòa hợp với động từ không?
 - Tính từ/Trạng từ có được dùng đúng vị trí và chức năng không?
 - Đại từ có thay thế đúng cho danh từ không?
 - Các thành phần trong cấu trúc song song có đồng dạng không?
5. **Loại trừ:** Nếu không chắc chắn về một phương án, hãy kiểm tra các phương án còn lại. Nếu B, C, D chắc chắn đúng thì A là lỗi sai.
6. **Đọc lại câu sau khi đã chọn lỗi sai và thử sửa:** Đặt từ/cấu trúc đúng vào vị trí lỗi sai và đọc lại cả câu. Nếu câu trở nên hợp lý và đúng ngữ pháp, bạn đã chọn đúng.